

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

Bản án số: 365/2023/HC-PT

Ngày 26 - 5 - 2023

*V/v khiếu kiện hành vi hành chính,
quyết định hành chính trong lĩnh
vực quản lý đất đai*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân Hương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Lệ;
Ông Trần Quang Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Long, Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Phạm Thị Minh Hải, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 24/4/2023, 26/5/2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 321/2022/TLPT-HC ngày 10 tháng 8 năm 2022 do có kháng cáo, kháng nghị đối với bản án hành chính sơ thẩm số 11/2022/HC-ST ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh H về việc “*Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3827/2023/QĐPT-HC ngày 07 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1936.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn B, sinh năm 1963.

Cùng địa chỉ: Thôn P, thị trấn Y, huyện X, tỉnh H. Có mặt bà A và ông B tại phiên tòa.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ B, Phó Chủ tịch. Vắng mặt tại phiên tòa ngày 24/4/2023, có mặt tại phiên tòa ngày 25/5/2023.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Năm 2012, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện X tỉnh H thực hiện quy trình thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các hộ dân có đất

thuộc phạm vi giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án xây dựng công trình Cầu Y tại Km 12 trên quốc lộ 4E địa phận thị trấn Y, trong đó có hộ gia đình ông Nguyễn Hữu C (vợ là bà Nguyễn Thị Kim A). Ngày 20/6/2012 Ủy ban nhân dân huyện X ban hành Quyết định số 2540/QĐ-UBND thu hồi toàn bộ đất hộ gia đình ông C, bà A đang sử dụng 174m² đất (trong đó có 150m² đất ở).

Ngày 10/8/2012, UBND huyện X ban hành Quyết định số 3380/QĐ-UBND về việc *phê duyệt kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng công trình* đối với các hộ dân. Theo danh sách kèm Quyết định, hộ gia đình ông C bà A được bồi thường, hỗ trợ như sau:

Tiền bồi thường 150m² đất ở, 24m² đất vườn: 180.743.400 đồng;

Tài sản trên đất là nhà ở, vật kiến trúc, hoa màu trên đất: 104.371.743 đồng

Hoa màu trên đất: 1.960.250 đồng.

Chính sách hỗ trợ: 38.584.500 đồng (Hỗ trợ hộ gia đình di chuyển nhà ở: 2.800.000 đồng; Hỗ trợ di chuyển đường điện: 1.000.000 đồng; Hỗ trợ 5 tháng tiền thuê nhà: 1.500.000đ/tháng x 5 tháng= 7.500.000đ; ...)

Tổng số hộ gia đình được bồi thường, hỗ trợ: 325.659.508 đồng. Gia đình bà A cùng với các hộ dân khác đã di chuyển tài sản bàn giao mặt bằng và đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ được phê duyệt.

Về tái định cư: Bà A, ông C bị thu hồi toàn bộ đất ở, không có nơi ở nào khác và có nhu cầu giao đất ở tái định cư. Ngày 01/8/2012, UBND huyện X và UBND thị trấn Y tổ chức bốc thăm giao đất tái định cư, hộ bà A bốc thăm được lô đất số 60 khu tái định cư đường K, thị trấn Y, diện tích 90m². Ngày 24/10/2012, bà A làm đơn xin giao 90m² đất và đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) đối với lô đất số 60 khu tái định cư đường K. UBND huyện X đã lập hồ sơ giao đất, lập hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho bà A với diện tích là 90,0 m² (4,5 m x 20 m), thông báo số tiền bà A phải thực hiện nghĩa vụ tài chính để được giao đất với số tiền 108 triệu đồng.

Tuy nhiên, trên thực tế lô đất số 60 không bảo đảm mặt bằng để sử dụng đủ 90m², chỉ còn khoảng 81 m², nên bà A không nhận đất, không nhận thông báo nộp nghĩa vụ tài chính và bà yêu cầu UBND huyện X giao đủ 90m² đất ở tái định cư.

Ngày 27/3/2019, UBND huyện X ban hành Quyết định số 1757/QĐ-UBND về việc thu hồi lại GCNQSDĐ đã cấp cho bà A đối với lô đất số 60 (với lý do diện tích cấp không đúng thực tế) và giao cơ quan liên ngành xác định đúng diện tích để cấp lại GCN cho bà A, đến ngày 27/4/2021 UBND huyện X có buổi làm việc với đại diện hộ gia đình nhưng hộ gia đình không thống nhất được.

Ngày 07/10/2021, bà Nguyễn Thị Kim A có đơn khởi kiện vụ án hành chính, yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện X phải giao cho gia đình bà Nguyễn

Thị Kim A một suất tái định cư có diện tích 90m² tại đường K, thị trấn Y và yêu cầu được trả tiền thuê nhà cho gia đình trong thời gian phải thuê nhà từ tháng 01/2013 đến nay với tổng số tiền thuê nhà là 237.600.000 đồng; tại phiên toà sơ thẩm yêu cầu hỗ trợ từ tháng 01/2013 đến thời điểm xét xử sơ thẩm. Người khởi kiện cho rằng tại giá thuê nhà trên thị trường tại thời điểm này từ 2.000.000 đồng đến 2.500.000 đồng.

UBND huyện X trình bày đối với yêu cầu khởi kiện:

Hộ bà Nguyễn Thị Kim A có nhà đất và tài sản thuộc phạm vi giải phóng mặt bằng xây dựng công trình Cầu Y, đủ điều kiện được giao đất tái định cư và ngày 01/8/2012 bà A bốc thăm trúng lô đất số 60 khu tái định cư đường K, thị trấn Y diện tích 90m² (5 x 18m) nhưng khi làm thủ tục thì mới phát hiện diện tích lô đất là 81m² (4,5 x 18), không đủ diện tích mặt bằng theo hồ sơ giao đất.

Ngày 27/3/2019, sau khi xác định lại diện tích thực tế lô đất đã giao cho bà A, UBND huyện X đã ban hành quyết định số 1757/QĐ-UBND về việc thu hồi GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho bà A tiến hành xác định lại diện tích thực tế để hoàn thiện thủ tục cấp lại GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho bà A.

Ngày 04/6/2019 và 20/6/2019, UBND huyện X đã ban hành 02 Giấy mời ông B (người đại diện cho bà A) đến nhận đất tại thực địa và hoàn thiện thủ tục để cấp lại GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo diện tích thực tế. Tuy nhiên cả hai buổi mời làm việc gia đình bà A đều vắng mặt dù đã nhận được giấy mời. Do bà A không phối hợp thực hiện nên nội dung đề nghị giao đất, cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền đất cho bà A vẫn chưa giải quyết xong.

Ngày 26/02/2021, UBND huyện X đã tổ chức đối thoại với ông B, tại buổi làm việc đã đưa ra 02 phương án, giao đất cho bà A tại lô 60 khu tái định cư đường K với diện tích thực tế là 81m² hoặc bà A lựa chọn giao đất tại khu tái định cư công trình Hạ tầng kỹ thuật sau kè bờ tả Sông Hồng khu vực cầu Y. Nhưng đến nay bà A vẫn chưa phối hợp để thực hiện hoàn thiện thủ tục giao đất, cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định.

Về tiền hỗ trợ thuê nhà: Sau khi bốc thăm giao đất (2012) bà A đã dựng 01 ngôi nhà gỗ tại lô đất số 60 khu tái định cư đường K để sử dụng. Tiền hỗ trợ thuê nhà của bà A đã được Nhà nước hỗ trợ và chi trả đến khi bà A được bốc thăm tái định cư và có đơn xin giao đất, cấp GCNQSDĐ (hết tháng 10/2013).

UBND huyện X cho rằng đã hỗ trợ tiền thuê nhà cho bà A đảm bảo theo đúng quy định.

Bản án Hành chính sơ thẩm số 11/2022/HC-ST ngày 12/4/2022, Tòa án nhân dân tỉnh H quyết định:

Căn cứ Điều 59 Luật đất đai năm 2013; Điều 34, 35 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính Phủ; Điều 158; Điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim A: Buộc UBND huyện X, tỉnh H phải giao cho hộ bà Nguyễn Thị Kim A một suất tái định cư và hỗ trợ tiền thuê nhà cho hộ bà A theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Do người khởi kiện bà Nguyễn Thị Kim A là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc UBND huyện X, tỉnh H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Trong thời hạn kháng cáo, UBND huyện X kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 26/4/2022 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh H có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 42/KN-PT, đề nghị Tòa án cấp cao tại Hà Nội áp dụng khoản 3 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Toà án nhân dân tỉnh H xét xử sơ thẩm lại, với lý do: Bản án sơ thẩm tuyên không có căn cứ, không đúng quy định của pháp luật, dẫn đến khó khăn vướng mắc không có tính khả thi khi thi hành bản án; Nội dung của bản án tuyên không có căn cứ, chưa đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện; người khởi kiện và người bị kiện xác định không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án:

Đại diện UBND huyện X giữ nguyên kháng cáo, trình bày: Tuy bà A, ông B bắt thăm nhận đất tái định cư thì lô đất số 59 và số 60 mỗi lô có diện tích 90m², nhưng do chưa trừ taluy nên để bảo đảm sử dụng thực tế mỗi lô chỉ có 81m², vẫn đủ diện tích giao tái định cư (từ 80m² đến 100m²). Khu tái định cư đường K không còn lô đất nào 90m², UBND đã đề nghị gia đình nhận lô đất khác đủ 90m² nhưng gia đình không đồng ý, gia đình cũng chưa nộp nghĩa vụ tài chính để được giao đất tái định cư. Gia đình đã nhận tiền bồi thường về đất và tài sản trên đất, các khoản hỗ trợ. Trên thực tế gia đình cũng đã dựng lán trên lô đất số 60, UBND huyện vẫn giữ nguyên phương án tái định cư là giao lô đất số 60 diện tích 81m² và tính tiền nghĩa vụ tài chính cho hộ gia đình như Quyết định số 1757/QĐ-UBND ngày 27/3/2019 đã ban hành. UBND huyện cũng đã có buổi làm việc ngày 05/5/2023 với hộ gia đình có phương án hỗ trợ tiền thuê nhà từ tháng 1/2013 đến đến ngày 20/6/2019 (thời điểm UBND huyện X mời bà Nguyễn Thị Kim A nhận đất) với mức hỗ trợ theo các Quyết định của UBND tỉnh H. Tuy nhiên, hộ bà A và hộ ông B vẫn không nhất trí. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Kim A và người đại diện theo uỷ quyền trình bày: Gia đình đã bị thu hồi hết nhà ở, đất ở nhưng UBND huyện X không giải quyết giao đất tái định cư đúng quy định dẫn đến gia đình không có chỗ ở; đề nghị Hội đồng xét xử buộc UBND huyện giao đủ lô đất diện tích 90m² tại đường K cho bà; nếu không có lô đất nào đủ 90m² tại đường K thì gia đình đồng ý nhận lô đất số 60 diện tích 81m² nhưng phải được bồi thường 9m² đất còn thiếu theo giá thị trường và bồi thường cho gia đình tiền thuê nhà từ tháng 1/2013 đến nay. Xác nhận bà A đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất nhưng chưa được giao đất tái định cư đúng quy định nên chưa nộp nghĩa vụ tài chính đối với lô đất tái định cư.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh H là có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà A tuy đồng ý nhận lô đất số 60 khu tái định cư đường K diện tích 81m², nhưng yêu cầu được bồi thường 9m² diện tích đất cấp thiếu so với diện tích đất cấp ban đầu. Tuy nhiên, diện tích 81m² không vi phạm phê duyệt quy hoạch phân lô của dự án và bà A cũng chưa nộp nghĩa vụ tài chính để sử dụng đất nên yêu cầu khởi kiện của bà A cũng như đề nghị tại phiên tòa phúc thẩm đều không có cơ sở chấp nhận. Về nội dung bà A buộc UBND huyện X trả tiền thuê nhà từ tháng 01/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm là 237.600.000 đồng; bà A cung cấp Hợp đồng thuê nhà tuy nhiên không có chứng thực của cơ quan Nhà nước, việc hỗ trợ tiền thuê nhà theo quy định của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên yêu cầu của bà A không có cơ sở để chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện UBND huyện X có Báo cáo số 394/BC-

UBND ngày 24/5/2023 và xác nhận đã có phương án hỗ trợ cho hộ bà A, hộ ông B; nên việc thi hành bản án không vướng mắc, do vậy không cần thiết phải hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2022/HC-ST ngày 12/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh H. Căn cứ khoản 2 Điều 218 Luật TTHC năm 2015, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội thay đổi nội dung Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 42/QĐ-VKS-HC ngày 26/4/2022 của Viện KSND tỉnh H, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của người bị kiện UBND huyện X và chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 42/QĐ-VKS-HC ngày 26/4/2022 của Viện trưởng Viện KSND tỉnh H, sửa toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2022/HC-ST ngày 12/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh H theo hướng Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim A về yêu cầu buộc UBND huyện X phải giao cho hộ bà A một suất tái định cư diện tích 90m² tại thửa đất số 60; Tờ bản đồ số 34 đường K, thị trấn Y, huyện X; Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim A: Buộc UBND huyện X, tỉnh H phải hỗ trợ tiền thuê nhà cho hộ bà Quý theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ và tranh tụng tại phiên tòa; sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Hộ gia đình bà Nguyễn Thị Kim A bị thu hồi đất ở phục vụ giải phóng mặt bằng xây dựng Dự án xây dựng công trình cầu Y từ năm 2012, hộ gia đình đã được UBND huyện X phê duyệt phương án bồi thường về đất thu hồi, tài sản trên đất cũng như các khoản hỗ trợ (Hỗ trợ di dời tài sản, hỗ trợ tạo lập nơi ở mới,...) tại Quyết định số 2280/QĐ-UBND ngày 10/8/2012 của UBND huyện X. Hộ gia đình đã bàn giao mặt bằng, đã nhận đủ tiền bồi thường, hỗ trợ, không khiếu kiện về phương án bồi thường, hỗ trợ đối với đất thu hồi và tài sản trên đất

Về tái định cư: Từ năm 2012, UBND huyện X đã có phương án giao đất ở tái định cư, đại diện hộ gia đình đã bắt thăm nhận lô tái định cư số 60 diện tích 90m², nhưng thực tế không đủ diện tích nên gia đình không nhất trí nhận. Ngày 27/4/2021, UBND huyện X tiến hành làm việc với hộ gia đình vẫn nhưng không thống nhất được phương án giao nhận đất tái định cư, cũng như về hỗ trợ tiền thuê nhà. Ngày 07/10/2021, bà Nguyễn Thị Kim A có đơn khởi kiện vụ án hành chính, Tòa án nhân dân tỉnh H thụ lý giải quyết là đúng quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116 Luật tổ tụng hành chính và Điều 204 Luật đất đai.

Kháng cáo của UBND huyện X và kháng nghị của Viện trưởng VKSND tỉnh H bảo đảm thời hạn, được chấp nhận xem xét.

[2] Xét kháng cáo của người bị kiện và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh H:

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện buộc UBND huyện X giao đủ 90m² đất ở tại

khu tái định cư đường K:

Ngày 01/8/2012, đại diện hộ gia đình tham gia bắt thăm để xác định vị trí lô đất tái định cư trúng lô số 60 diện tích 90m² tại đường K. Ngày 24/10/2012, bà A có đơn xin giao lô đất số 60, đơn được UBND huyện X xác nhận đủ điều kiện giao đất, thuộc trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền. Ngày 02/11/2012, Văn phòng đăng ký đất đai có phiếu chuyển thông tin địa chính số 1121/PC-VPĐK để xác định nghĩa vụ tài chính và ngày 07/11/2012 Chi cục thuế huyện X ban hành thông báo nộp tiền sử dụng đất với số tiền 108.000.000 đồng.

Tuy hộ bà A không nhận đất do thiếu diện tích và chưa nộp nghĩa vụ tài chính, nhưng ngày 05/12/2012 UBND huyện X đã có GCNQSD (số BK 713589) thửa 60, diện tích 90m² đất ở đứng tên bà A, nhưng chưa giao GCNQSD cho bà A và bà A cũng chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với đất được giao (bà đã nhận đủ các khoản tiền bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất đã thu hồi). Do vậy, chưa đủ căn cứ pháp lý xác định bà Nguyễn Thị A đã đủ điều kiện được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp đối với 90m² tại lô 60 đường K.

Ngày 27/3/2019 UBND huyện X ban hành Quyết định số 1757/QĐ-UBND thu hồi GCNQSDĐ số BK 713589 ngày 05/12/2012 với lý do cấp không đúng diện tích (theo quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 106 Luật đất đai), giao các cơ quan có thẩm quyền tiến hành xác định lại diện tích thực tế để hoàn thiện thủ tục cấp lại GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho bà A để điều chỉnh lại diện tích đúng thực tế giao.

Với các lý do trên, đủ cơ sở xác định UBND huyện X đã thực hiện việc giao đất ở tái định cư cho hộ gia đình bà A (lô đất số 60 diện tích 81m²). Yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện buộc UBND huyện X *phải giao đủ 90m² đất tái định cư tại đường K*, là không có cơ sở thực tế và căn cứ pháp lý để chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện UBND huyện X xác nhận UBND lô đất số 60 đảm bảo quy định về diện tích giao tái định cư, hộ bà A đã dựng lán để đồ đạc trên đất và UBND huyện vẫn giữ nguyên phương án giao lô đất 60 cho bà A thực hiện theo Quyết định số 1757/QĐ-UBND đã nêu trên.

Do vậy, kháng cáo của UBND huyện X về nội dung hộ bà A đã được UBND huyện X giao đất tái định cư, là có cơ sở chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định *buộc UBND huyện X phải giao cho hộ bà A một suất tái định cư* là tuyên không rõ ràng, không khách quan, không có tính khả thi để đưa ra thi hành, như kháng nghị nêu.

[2.2] Về yêu cầu khởi kiện buộc UBND huyện X trả tiền thuê nhà từ tháng 1/2013 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (tại phiên tòa phúc thẩm yêu cầu đến thời điểm xét xử phúc thẩm):

- Điều 35 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính Phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất quy định: *“1. Khu tái định cư phải xây dựng phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quy hoạch xây dựng, tiêu chuẩn và quy chuẩn xây dựng.*

2. Khu tái định cư phải được sử dụng chung cho nhiều dự án.

3. Trước khi bố trí đất ở cho các hộ gia đình, cá nhân, khu tái định cư phải được xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ đảm bảo đủ điều kiện cho người sử dụng tốt hơn hoặc bằng nơi ở cũ”.

- Về thời gian được hỗ trợ tạo lập nơi ở mới:

Khoản 3 Điều 31 Quyết định số 45/2009/QĐ-UBND của UBND tỉnh H quy định về hỗ trợ di chuyển như sau: *“3. Hộ gia đình bị thu hồi đất ở mà không còn chỗ ở khác thì trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới (bố trí vào khu tái định cư) được hỗ trợ tiền thuê nhà ở. Mức hỗ trợ là 1.000.000 đồng/tháng/hộ. Thời gian tính hỗ trợ từ ngày bàn giao đất cho chủ đầu tư đến khi nhận đất tái định cư cộng với 05 tháng xây dựng nhà ở”.*

Tuy nhiên, sau đó tại Mục II phụ lục số 7, Điều 32 Quyết định số 26/2013/QĐ-UBND ngày 25/7/2013 của UBND tỉnh H quy định như sau: *“Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất ở mà không còn chỗ ở nào khác thì trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới (bố trí vào khu tái định cư) được hỗ trợ tiền thuê nhà ở; Thời gian tính hỗ trợ từ ngày bàn giao đất cho chủ đầu tư đến khi nhận đất TĐC cộng với 06 (sáu) tháng xây dựng nhà ở Tính từ thời điểm khu tái định cư hoàn chỉnh hạ tầng: đường, điện, nước)”. Ngày 04/6/2019, UBND huyện có Giấy mời đại diện hộ gia đình đến để giao đất tái định cư.*

Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ số 3380/QĐ-UBND ngày 10/8/2012 của UBND huyện X đã phê duyệt đầy đủ các khoản bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình và gia đình đã nhận đầy đủ, không khiếu kiện. Tuy nhiên, đối với hỗ trợ tạo lập nơi ở mới (tuy đã phê duyệt hỗ trợ 5 tháng, gia đình đã nhận là đúng quy định tại thời điểm ban hành, nhưng việc hộ gia đình chưa nhận đất tái định cư do chưa đủ điều kiện theo quy định (như bản án sơ thẩm đã phân tích), nên Tòa án cấp sơ thẩm nhận định và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A, buộc UBND huyện hỗ trợ bổ sung tiền thuê nhà cho hộ gia đình, là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện UBND huyện X cũng xác nhận đã có phương án bổ sung hỗ trợ tiền thuê nhà cho hộ gia đình đến tháng 6/2019, với số tiền hỗ trợ từng thời điểm theo quy định của UBND tỉnh. Như vậy, không có vướng mắc gì về thi hành án đối với nội dung này.

[3] Với các phân tích nêu trên và có tình tiết mới tại cấp phúc thẩm, xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa về việc không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại, là phù hợp quy định

của Luật tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của UBND huyện X, một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh H và quyết định sửa một phần bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: **Do sửa Bản án sơ thẩm nên UBND huyện X không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, án phí hành chính sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Kim A là người cao tuổi, được miễn án phí hành chính.**

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Sửa (một phần) bản án hành chính sơ thẩm số 11/2022/HC-ST ngày 12/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh H:

Áp dụng khoản 6, khoản 7, khoản 25 Điều 4; Điều 42 Luật đất đai 2003; điểm c khoản 2 Điều 83 Luật đất đai 2013;

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim A: Buộc UBND huyện X hỗ trợ bỏ sung tiền thuê nhà cho hộ bà A **theo quy định**. **Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà** Nguyễn Thị Kim A về việc buộc UBND huyện X phải giao đủ 90m² đất ở tái định cư tại đường K, thị trấn Y.

2. Miễn án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị Kim A. Hoàn trả UBND huyện X số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000159 ngày 13/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh H.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 26/5/2023.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- Cục THADS tỉnh Lào Cai;
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Vân Hương